

KẾ HOẠCH

Hỗ trợ xây dựng Logo nhãn hiệu và in tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông nghiệp sạch; Sản phẩm được cấp chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận Hà Nam năm 2018-2019

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Nam lần thứ XIX nhiệm kỳ 2015-2020 và Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 08 tháng 4 năm 2016 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh công nghiệp hóa nông nghiệp, tạo đột phá phát triển nhanh, bền vững nông nghiệp, nông thôn tỉnh Hà Nam giai đoạn 2016 - 2025, định hướng đến 2035; Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh ban hành Kế hoạch hỗ trợ xây dựng Logo nhãn hiệu và In tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông nghiệp sạch; sản phẩm được cấp chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận Hà Nam, năm 2018 - 2019 như sau:

I. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích:

- Thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp sạch có năng suất, chất lượng sản phẩm và giá trị sản xuất cao, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.
- Xây dựng các mô hình liên kết đa dạng giữa các hộ dân, tổ hợp tác và hợp tác xã với doanh nghiệp trong việc sản xuất nông sản sạch thông qua ký kết các hợp đồng kinh tế.
- Giúp các cơ sở sản xuất nông sản, các cơ sở sản xuất mặt hàng truyền thống đạt chất lượng cao xây dựng thương hiệu sản phẩm góp phần nâng cao giá trị, tăng sức cạnh tranh của hàng hóa trên thị trường.
- Chuẩn hóa thông tin trong tem truy xuất nguồn gốc hàng hóa, đảm bảo độ tin cậy của thông tin về sản phẩm; Đảm bảo sự cạnh tranh lành mạnh giữa các cơ sở cung cấp nông sản sạch và hàng hóa đạt chất lượng cao trên địa bàn tỉnh...

2. Yêu cầu:

- Đối với các mô hình sản xuất nông nghiệp có diện tích từ 3 ha trở lên, các mô hình sản xuất dựa lưới, trồng hoa ứng dụng công nghệ cao: Phải đáp ứng được các yêu cầu theo Kế hoạch số 1381/KH-UBND ngày 29/5/2018 của UBND tỉnh.
- Đối với các mô hình sản xuất nông nghiệp dưới 3 ha, phải có diện tích canh tác tối thiểu 0,2 ha (*riêng đối với mô hình trồng nấm Đông trùng hạ thảo và các loại nấm ăn, nấm dược liệu phải có diện tích tối thiểu từ 150 m² trở lên*), gọn vùng, gọn thửa, sản xuất đảm bảo điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm.
- Đối với các cửa hàng giới thiệu, cung cấp sản phẩm nông sản sạch, an toàn: Các sản phẩm phải được sản xuất từ các mô hình đảm bảo điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định.

- Các Sở, ban, ngành, địa phương phối hợp chặt chẽ trong quá trình thực hiện Kế hoạch, đảm bảo hỗ trợ đúng, đầy đủ theo quy định.

II. Đối tượng và điều kiện được hỗ trợ

1. Đối tượng được hỗ trợ

1.1. Chủ mô hình liên kết sản xuất rau, củ, quả, nấm, hoa có quy mô trên 05 ha: Gồm 06 mô hình, mỗi huyện/thành phố trung bình 01 mô hình.

1.2. Chủ mô hình liên kết sản xuất rau, củ, quả, nấm, hoa có quy mô từ 03 ha đến 05 ha: Gồm 18 mô hình, mỗi huyện/thành phố trung bình 03 mô hình.

1.3. Chủ mô hình sản xuất dưa lưới, hoa công nghệ cao: Gồm 18 mô hình, mỗi huyện/thành phố trung bình 03 mô hình.

1.4. Chủ mô hình sản xuất sản xuất rau, củ, quả, nấm, hoa có quy mô từ 0,2 ha đến dưới 03 ha: Gồm 60 mô hình, trung bình mỗi huyện/thành phố 10 mô hình, nhận hỗ trợ thông qua các cửa hàng giới thiệu sản phẩm thuộc UBND huyện/thành phố.

1.5. Chủ mô hình sản xuất các sản phẩm được cấp quyền sử dụng “Nhãn hiệu chứng nhận Hà Nam”, bao gồm cả các mô hình sản xuất nấm Đông trùng hạ thảo, nấm ăn, nấm dược liệu (*không thuộc đối tượng mô hình sản xuất rau, củ, quả, nấm, hoa có quy mô từ 0,2 ha trở lên*): Gồm 10 mô hình, nhận hỗ trợ thông qua các cửa hàng giới thiệu sản phẩm thuộc UBND huyện/thành phố.

1.6. Các cửa hàng giới thiệu, cung cấp sản phẩm nông nghiệp an toàn thuộc UBND các huyện/thành phố: Gồm 06 cửa hàng trung tâm, mỗi huyện/thành phố 01 cửa hàng.

1.7. Các cửa hàng giới thiệu, cung cấp sản phẩm nông nghiệp an toàn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tỉnh đoàn, Hội Liên hiệp Phụ nữ... và các cửa hàng khác thuộc UBND các huyện/thành phố (*nhận hỗ trợ thông qua các cửa hàng giới thiệu sản phẩm thuộc UBND huyện/thành phố*).

1.8. Các tổ chức, cá nhân được giao quản lý, sử dụng Chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể: Có 09 tổ chức, cá nhân (có danh sách kèm theo).

2. Điều kiện được hỗ trợ

a) Đối với các mô hình sản xuất nông nghiệp: Có giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm hoặc giấy chứng nhận sản phẩm đạt tiêu chuẩn phù hợp với quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (Vietgap).

b) Đối với các mô hình liên kết sản xuất rau, củ, quả, nấm, hoa có quy mô từ 03 ha trở lên và mô hình sản xuất dưa lưới công nghệ cao, hoa công nghệ cao:

- Có hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp đất để hợp tác, liên kết sản xuất nông sản sạch, an toàn trong thời gian từ 10 năm trở lên, có xác nhận của UBND cấp xã.

- Có hợp đồng ký kết tiêu thụ sản phẩm nông sản sạch, an toàn với các cơ sở, doanh nghiệp.

c) Đối với các cửa hàng giới thiệu, cung cấp sản phẩm nông nghiệp an toàn: Các sản phẩm nông nghiệp được giới thiệu, cung cấp phải sản xuất ra từ cơ sở có giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm hoặc giấy chứng nhận sản phẩm đạt tiêu chuẩn phù hợp với quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (Vietgap).

d) Các tổ chức, cá nhân được giao quản lý, sử dụng Chỉ dẫn địa lý, Nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận cho các sản phẩm truyền thống và sản phẩm nông nghiệp sạch, an toàn: Thực hiện đúng các quy định về quản lý, sử dụng Chỉ dẫn địa lý, Nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận đối với các sản phẩm.

III. Nội dung, định mức hỗ trợ

1. Hỗ trợ phí đăng ký Lô go nhãn hiệu cơ sở/sản phẩm, mức hỗ trợ là 1.120.000 đồng/lô go nhãn hiệu, gồm các đối tượng sau:

- Chủ mô hình liên kết sản xuất rau, củ, quả, nấm, hoa có quy mô từ 5 ha trở lên.
- Chủ mô hình liên kết sản xuất rau, củ, quả, nấm, hoa có quy mô từ 3 ha đến 5 ha.
- Chủ mô hình sản xuất dưa lưới, hoa công nghệ cao.
- Chủ mô hình sản xuất rau, củ, quả, nấm, hoa từ 0,2 ha đến dưới 03 ha.
- Chủ mô hình sản xuất sản phẩm được cấp quyền sử dụng “nhãn hiệu chứng nhận Hà Nam”.

2. Hỗ trợ mua máy in tem và nguyên vật liệu đi kèm (decan in tem, mực in...), tối đa không quá 15 triệu đồng/01 mô hình, cửa hàng; gồm các đối tượng sau:

- Chủ mô hình liên kết sản xuất rau, củ, quả, nấm, hoa có quy mô từ 5 ha trở lên.
- Chủ mô hình liên kết sản xuất rau, củ, quả, nấm, hoa có quy mô từ 3 ha đến 5 ha.
- Chủ mô hình sản xuất dưa lưới, hoa công nghệ cao.
- Các cửa hàng giới thiệu, cung cấp sản phẩm nông nghiệp an toàn thuộc Ủy ban nhân dân các huyện/thành phố (cửa hàng trung tâm).
- Các tổ chức, cá nhân được giao quản lý, sử dụng: Chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể.

3. Hỗ trợ mua bộ máy vi tính (CPU, màn hình, máy in): Hỗ trợ các cửa hàng trung tâm giới thiệu, cung cấp sản phẩm nông nghiệp an toàn thuộc UBND các huyện/thành phố, tối đa không quá 10 triệu đồng/01 cửa hàng.

4. Hỗ trợ mua mã xác thực truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa

- Chủ mô hình liên kết sản xuất rau, củ, quả, nấm, hoa trên 05 ha: Được hỗ trợ trong thời gian 6 tháng kể từ ngày kích hoạt trên hệ thống hoặc 10.000 sản phẩm/01 mô hình.

- Chủ mô hình sản xuất rau, củ, quả, nấm, hoa có quy mô từ 03 ha đến 05 ha: Được hỗ trợ trong thời gian 6 tháng kể từ ngày kích hoạt trên hệ thống hoặc 6.000 sản phẩm/ 01 mô hình.

- Chủ mô hình sản xuất dưa lưới, hoa công nghệ cao: Được hỗ trợ trong thời gian 6 tháng kể từ ngày kích hoạt trên hệ thống hoặc 6.000 sản phẩm/ 01 mô hình.

- Các cửa hàng giới thiệu, cung cấp sản phẩm nông nghiệp an toàn thuộc UBND các huyện/thành phố: Được hỗ trợ trong thời gian 6 tháng kể từ ngày kích hoạt trên hệ thống hoặc 50.000 sản phẩm/01 cửa hàng trung tâm.

- Các tổ chức, cá nhân được giao quản lý, sử dụng Chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể: Được hỗ trợ trong thời gian 6 tháng kể từ ngày kích hoạt trên hệ thống hoặc 10.000 sản phẩm/01 tổ chức, cá nhân.

IV. Thời gian hỗ trợ và tiến độ thực hiện

1. Thời gian hỗ trợ: Năm 2018 – 2019

2. Tiến độ thực hiện:

- Tháng 6 - Tháng 9/2018: Phê duyệt, tuyên truyền và triển khai Kế hoạch của UBND tỉnh. Các huyện, thành phố đăng ký mô hình thực hiện năm 2018 và xây dựng, triển khai thực hiện Kế hoạch của UBND các huyện, thành phố.

- Tháng 12/2018: Các huyện, thành phố đăng ký mô hình thực hiện năm 2019.

- Hàng năm tổ chức nghiệm thu 02 lần: Lần 1 vào tháng 5 và lần 2 vào tháng 11 hàng năm.

V. Hình thức hỗ trợ:

- Hỗ trợ sau đầu tư, toàn bộ kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng được Sở Khoa học và Công nghệ chuyển khoản thông qua tài khoản của chủ mô hình mở tại Ngân hàng hoặc Kho bạc nhà nước các huyện, thành phố; Riêng kinh phí hỗ trợ cho các Cửa hàng giới thiệu, cung cấp sản phẩm nông nghiệp an toàn thuộc UBND các huyện/thành phố được Sở Khoa học và Công nghệ chuyển khoản thông qua tài khoản của UBND các huyện, thành phố (Phòng Nông nghiệp hoặc Phòng kinh tế, Phòng Kinh tế hạ tầng).

- Đối với chi phí mua mã xác thực truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa VNPT-Check cho các tổ chức, cá nhân được hỗ trợ: Sở Khoa học và Công nghệ hợp đồng và chuyển cho Trung tâm kinh doanh - VNPT Hà Nam thực hiện; Trung tâm kinh doanh – VNPT Hà Nam có trách nhiệm phối hợp với các tổ chức, cá nhân được hỗ trợ để xây dựng, chuẩn hóa các nội dung thông tin trong tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa, đảm bảo độ tin cậy của thông tin về sản phẩm và sự cạnh tranh lành mạnh giữa các cơ sở sản xuất, cung cấp nông sản sạch, an toàn trên địa bàn tỉnh.

VI. Kinh phí thực hiện:

1. Tổng kinh phí và nguồn kinh phí:

- Tổng kinh phí thực hiện: **1.201.612.000 đồng** (Một tỷ, hai trăm linh một triệu, sáu trăm mười hai nghìn đồng)

- Nguồn kinh phí: Sự nghiệp KH-CN tỉnh năm 2018- 2019.

2. Dự toán chi tiết:

ĐVT: Triệu đồng

| T | Nội dung chi | Số lượng | Mức hỗ trợ | Thành tiền |
|---|--|----------|------------|------------|
| I | Hỗ trợ phí, lệ phí đăng ký Lô gô nhãn hiệu cơ sở/sản phẩm (nộp đơn, thẩm định đơn, tra cứu thông tin, công bố thông tin, cấp văn bằng) theo Thông tư 263/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 | 112 | 1,12 | 125,44 |
| 1 | Mô hình sản xuất rau, củ, quả, nấm, hoa trên 05 ha: Mỗi huyện, TP 01 mô hình | 6 | 1,12 | 6,72 |

| | | | | |
|--------------------------------|---|----|-------|------------------|
| 2 | Mô hình sản xuất rau, củ, quả, nấm, hoa từ 03 ha đến 05 ha: Mỗi huyện, TP 03 mô hình | 18 | 1,12 | 20,16 |
| 3 | Mô hình sản xuất dưa lưới, hoa công nghệ cao: Mỗi huyện, TP 03 mô hình | 18 | 1,12 | 20,16 |
| 4 | Mô hình sản xuất rau, củ, quả, nấm, hoa từ 0,2 ha đến dưới 03 ha: Mỗi huyện, TP 10 mô hình | 60 | 1,12 | 67,20 |
| 5 | Mô hình sản xuất được cấp quyền sử dụng “Nhãn hiệu chứng nhận Hà Nam”: 10 mô hình | 10 | 1,12 | 11,20 |
| II | Hỗ trợ mua máy in tem và nguyên vật liệu đi kèm | | | 855,00 |
| 1 | Mô hình sản xuất rau, củ, quả, nấm, hoa trên 05 ha: Mỗi huyện, TP 01 mô hình | 6 | 15 | 90,00 |
| 2 | Mô hình sản xuất rau, củ, quả, nấm, hoa từ 03 ha đến 05 ha: Mỗi huyện, TP 03 mô hình | 18 | 15 | 270,00 |
| 3 | Mô hình sản xuất dưa lưới, hoa công nghệ cao: Mỗi huyện, TP 03 mô hình | 18 | 15 | 270,00 |
| 4 | Cửa hàng giới thiệu, cung cấp sản phẩm nông nghiệp an toàn: Mỗi huyện, TP 01 cửa hàng | 6 | 15 | 90,00 |
| 5 | Các tổ chức, cá nhân được giao quản lý, sử dụng: Chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể: 09 tổ chức, cá nhân | 9 | 15 | 135,00 |
| III | Hỗ trợ mua máy vi tính + máy in | | | 60,00 |
| 1 | Các cửa hàng giới thiệu, cung cấp sản phẩm nông nghiệp an toàn: Mỗi huyện, thành phố 01 bộ | 6 | 10 | 60,00 |
| IV | Hỗ trợ chi phí mua mã xác thực truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa (Hợp đồng với VNPT Hà Nam) | | | 161,172 |
| 1 | Mô hình liên kết sản xuất rau, củ, quả, nấm, hoa trên 05 ha: Mỗi huyện, TP 01 mô hình; hỗ trợ 10.000 mã SP/01 mô hình x đơn giá 242đ/mã SP | 06 | 2,42 | 14,52 |
| 2 | Mô hình liên kết sản xuất rau, củ, quả, nấm, hoa từ 03 ha đến 05 ha: Mỗi huyện, TP 03 mô hình; hỗ trợ 6.000 mã SP/01 mô hình x đơn giá 242đ/mã SP | 18 | 1,452 | 26,136 |
| 3 | Mô hình liên kết sản xuất dưa lưới công nghệ cao, hoa công nghệ cao: Mỗi huyện, TP 3 mô hình; hỗ trợ 6.000 mã SP/01 mô hình x đơn giá 242đ/mã SP | 18 | 1,452 | 26,136 |
| 4 | Cửa hàng giới thiệu, cung cấp sản phẩm nông nghiệp an toàn: Mỗi huyện, TP 01 cửa hàng (50.000 mã sản phẩm x đơn giá 242đ/mã SP) | 6 | 12,10 | 72,60 |
| 5 | Các tổ chức, cá nhân được giao quản lý, sử dụng Chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể: 09 đơn vị, hỗ trợ 10.000 mã SP/01 đơn vị x đơn giá 242đ/mã sản phẩm. | 09 | 2,42 | 21,78 |
| Tổng cộng: I + II + III | | | | 1.201,612 |

VII. Trình tự, thủ tục hỗ trợ:

1. Đối với các đối tượng là chủ mô hình sản liên kết sản xuất rau, củ, quả, nấm, hoa có quy mô từ 3ha trở lên; mô hình sản xuất dưa lưới công nghệ cao, hoa công nghệ cao và các tổ chức, cá nhân được giao quản lý, sử dụng Chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể cho các sản phẩm:

- Các tổ chức, cá nhân (chủ mô hình) đủ điều kiện được hưởng chính sách hỗ trợ gửi văn bản đề nghị được hỗ trợ có xác nhận của UBND cấp xã, kèm theo các hồ sơ, chứng từ quy định tại Mục VIII Kế hoạch này đến UBND huyện, thành phố.

- UBND huyện, thành phố thẩm định, kiểm tra, tổng hợp, lập văn bản xác nhận và đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ trình UBND tỉnh phê duyệt hỗ trợ.

- Sau khi UBND tỉnh phê duyệt hỗ trợ, Sở Khoa học và Công nghệ chuyển kinh phí hỗ trợ trực tiếp cho các đối tượng được hỗ trợ.

2. Đối với đối tượng là các cửa hàng giới thiệu, cung cấp sản phẩm nông nghiệp an toàn thuộc UBND các huyện/thành phố (Cửa hàng trung tâm):

- Tổ chức, cá nhân được giao quản lý cửa hàng lập văn bản đề nghị các nội dung hỗ trợ gửi UBND huyện/thành phố kèm theo các hồ sơ, chứng từ quy định tại Mục VIII Kế hoạch này.

- UBND các huyện/thành phố thẩm định, kiểm tra, tổng hợp, lập văn bản xác nhận, đề nghị các nội dung hỗ trợ và đơn vị trực tiếp nhận hỗ trợ gửi Sở Khoa học và Công nghệ trình UBND tỉnh hỗ trợ.

- Sau khi UBND tỉnh phê duyệt hỗ trợ, Sở Khoa học và Công nghệ chuyển kinh phí hỗ trợ về UBND các huyện/thành phố để thực hiện các hoạt động hỗ trợ cho các đối tượng được hỗ trợ.

3. Đối với các đối tượng là tổ chức, cá nhân có các mô hình sản xuất từ 0,2 ha đến dưới 3 ha; các tổ chức, cá nhân được cấp quyền sử dụng “nhãn hiệu chứng nhận Hà Nam” và các đối tượng có sản phẩm nông sản sạch, an toàn được giới thiệu tại các cửa hàng thuộc các huyện/thành phố:

- Các tổ chức, cá nhân đủ điều kiện được hưởng chính sách hỗ trợ gửi văn bản đề nghị các nội dung được hỗ trợ có xác nhận của UBND cấp xã đến UBND huyện, thành phố kèm theo các hồ sơ, chứng từ quy định tại Mục VIII Kế hoạch này.

- UBND huyện, thành phố thẩm định, kiểm tra, nghiệm thu, tổng hợp, lập văn bản xác nhận và đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ trình UBND tỉnh hỗ trợ.

- Sau khi UBND tỉnh phê duyệt hỗ trợ, Sở Khoa học và Công nghệ chuyển kinh phí hỗ trợ về UBND các huyện/thành phố để thực hiện các hoạt động hỗ trợ cho các đối tượng được hỗ trợ.

VIII. Hồ sơ, chứng từ đề nghị hỗ trợ :

1. Hồ sơ, chứng từ của các tổ chức, cá nhân cung cấp để đề nghị hỗ trợ phí, lệ phí đăng ký Logo nhãn hiệu cơ sở/sản phẩm; Hỗ trợ mua máy vi tính, máy in; Hỗ trợ mua máy in tem, nguyên vật liệu đi kèm:

- Văn bản của chủ mô hình đề nghị các nội dung hỗ trợ có xác nhận của UBND xã gửi về UBND các huyện/thành phố.

- Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành đối với từng mô hình do UBND huyện, thành phố lập.

- Văn bản tổng hợp chung kết quả thẩm định, kiểm tra, xác nhận và đề nghị hỗ trợ của UBND huyện, thành phố gửi về UBND tỉnh và Sở Khoa học và Công nghệ.

- Các văn bản, giấy tờ (bản sao có chứng thực) chứng minh thuộc đối tượng và đủ điều kiện để được hỗ trợ quy định tại mục II Kế hoạch này.

- Hợp đồng mua bán, biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng (bản chính); Hóa đơn (bản sao có chứng thực) mua máy in tem, vật liệu đi kèm, và mua máy vi tính, máy in (đối với 06 cửa hàng giới thiệu sản phẩm).

- Phiếu thu phí, lệ phí đối với các đối tượng được hỗ trợ phí, lệ phí đăng ký Logo nhãn hiệu cơ sở/sản phẩm.

2. Hồ sơ, chứng từ đề nghị hỗ trợ chi phí mua mã xác thực truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa:

- Hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng, hóa đơn (bản chính) giữa Trung tâm kinh doanh – VNPT và Sở Khoa học và công nghệ.

- Biên bản xác nhận hoàn thành việc cài đặt, hướng dẫn sử dụng phần mềm truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa giữa Trung tâm kinh doanh – VNPT Hà Nam và các tổ chức, cá nhân (chủ mô hình) được hỗ trợ.

- Biên bản xác nhận số lượng mã tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm đã thực hiện giữa Trung tâm kinh doanh – VNPT Hà Nam và các tổ chức, cá nhân (chủ mô hình) được hỗ trợ.

3. Hồ sơ thanh, quyết toán:

Căn cứ vào hồ sơ, chứng từ đề nghị hỗ trợ của các tổ chức và cá nhân, UBND các huyện, thành phố chủ trì thành lập Hội đồng nghiệm thu, kiểm tra thực tế, thiết lập Biên bản nghiệm thu (04 bộ: 02 bộ gửi Sở Khoa học và Công nghệ; 01 bộ lưu tại UBND huyện, thành phố; 01 bản gửi cho các tổ chức, cá nhân nhận hỗ trợ) và tổng hợp số liệu, lập văn bản đề nghị hỗ trợ gửi về Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định, thẩm tra (nếu cần), trình UBND tỉnh phê duyệt và thanh quyết toán theo quy định.

IX. Tổ chức thực hiện:

1. UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm:

- Tuyên truyền, hướng dẫn cho các tổ chức, cá nhân đăng ký các nội dung hỗ trợ trong Kế hoạch; Lập kế hoạch các hoạt động của huyện, thành phố để triển khai nội dung Kế hoạch này.

- Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu khối lượng sản phẩm... của các mô hình liên kết sản xuất nông sản sạch, các tổ chức, cá nhân được cấp Chỉ dẫn địa lý, Nhãn hiệu tập thể, Nhãn hiệu chứng nhận Hà Nam và của các Cửa hàng giới thiệu, cung cấp sản phẩm nông nghiệp an toàn.

- Thẩm định hồ sơ, chứng từ; tổng hợp số liệu, lập văn bản đề nghị hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân đủ điều kiện được hưởng chính sách hỗ trợ gửi Sở Khoa học và Công nghệ trình UBND tỉnh phê duyệt hỗ trợ.

- Quản lý, duy trì hoạt động của máy in tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm tại các tổ chức, cá nhân được hỗ trợ thuộc phạm vi quản lý của huyện, thành phố.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ban quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao có trách nhiệm:

- Tuyên truyền, hướng dẫn cho các tổ chức, cá nhân thực hành sản xuất nông nghiệp sạch, an toàn theo liên kết chuỗi và đăng ký các nội dung hỗ trợ trong Kế hoạch này.

- Tham gia đoàn kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện của các mô hình sản xuất khi có đề nghị của UBND các huyện, thành phố.

- Tuyên truyền, tư vấn, hướng dẫn cho các tổ chức, cá nhân thực hiện việc sản xuất nông sản đảm bảo các tiêu chí để được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm và hoặc giấy chứng nhận sản phẩm đạt tiêu chuẩn phù hợp với qui trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (Vietgap).

- Giới thiệu với Sở Khoa học và Công nghệ các tổ chức, cá nhân sản xuất đủ điều kiện cấp quyền sử dụng “Nhãn hiệu chứng nhận Hà Nam” cho các sản phẩm nông nghiệp sạch, an toàn.

3. Sở Tài chính có trách nhiệm:

Thẩm định dự toán Kế hoạch Hỗ trợ xây dựng Lô go nhãn hiệu và in tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông nghiệp sạch; Sản phẩm được cấp chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể và nhãn hiệu chứng nhận Hà Nam năm 2018 – 2019.

4. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm:

- Lập dự toán chi tiết kinh phí hỗ trợ bao bì in nhãn mác và in tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông nghiệp sạch; Sản phẩm được cấp chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể và nhãn hiệu chứng nhận Hà Nam năm 2018-2019, gửi Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Thiết lập các biểu mẫu, hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân thực hiện theo nội dung kế hoạch.

- Đặt hàng, hợp đồng với Trung tâm kinh doanh - VNPT Hà Nam cung cấp mã xác thực truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa VNPT-Check cho các cơ sở sản xuất hàng hóa trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

- Thẩm định hồ sơ, thanh, quyết toán kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng được hỗ trợ theo đúng quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và UBND các huyện, thành phố theo dõi kết quả các hoạt động, xử lý các tình huống phát sinh, tổng hợp các kiến nghị đề xuất để điều chỉnh, bổ sung nội dung kế hoạch khi cần thiết. /s/

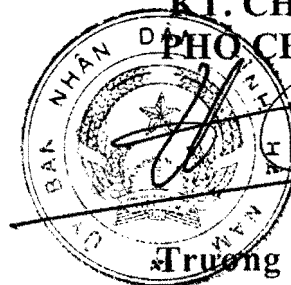
Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ngành;
- UBND các huyện, TP;
- VPUB: LĐVP, NN&TNMT, KGVX;
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

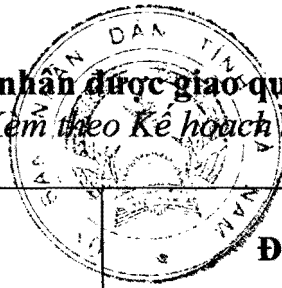
KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trương Minh Hiến

Danh sách Các tổ chức, cá nhân được giao quản lý, sử dụng Chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể tính đến tháng 5/2018
 (Kèm theo Kế hoạch số 1733 /KH-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2018)



| STT | Tên Hiệp hội | Địa chỉ | Số văn bằng | Ngày cấp | Ngày hết hạn | Sản lượng năm 2017 |
|-----------|---|---|---------------|------------|----------------|-------------------------|
| I | Nhãn hiệu tập thể | | | | | |
| 1 | Hiệp hội sản xuất và kinh doanh cá khộp Nhân Hậu | UBND xã Hòa Hậu, xóm 9, xã Hòa Hậu, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam | 4-0266347-000 | 29/07/2016 | 21/11/2023 | 30.000 niêu cá |
| 2 | Hiệp hội sản xuất và kinh doanh bánh đa nem làng Châu | Xã Nguyên Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam | 4-0173772-000 | 18/10/2011 | 24/03/2021 | 200 tấn sản phẩm |
| 3 | HTX Gốm Quyết Thành | Thị trấn Quế, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam | 4-0196731-000 | 04/12/2012 | 24/08/2021 | 1.700 sản phẩm |
| 4 | Hiệp hội sản xuất và kinh doanh rượu Làng Vọc | Xã Vũ Bản, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam | 4-0204842-000 | 03/05/2013 | 24/08/2021 | 1.000 lít rượu |
| 5 | Hiệp hội chăn nuôi và kinh doanh gà móng Tiên Phong | Xã Tiên Phong, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam | 4-0254050-000 | 09/11/2015 | 05/08/2024 | 30.000 con gà |
| 6 | Hiệp hội sản xuất và kinh doanh lụa Nha Xá | Thôn Nha Xá, xã Mộc Nam, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam | 4-0258994-000 | 03/03/2016 | 17/03/2025 | 1.200 triệu sản phẩm |
| 7 | Hiệp hội sản xuất và kinh doanh trồng Đọi Tam | Thôn Đọi Tam, xã Đọi Sơn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam | 4-0228136-000 | 16/7/2014 | 16/7/2024 | 2.000 sản phẩm |
| 8 | Hiệp hội sản xuất và kinh doanh thêu ren Thanh Hà | UBND xã Thanh Hà, thôn Dương Xá, xã Thanh Hà, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam | 4-0260149-000 | 22/03/2016 | 28/01/2025 | 2.000 sản phẩm thêu ren |
| II | Chỉ dẫn địa lý | | | | | |
| 1 | Hiệp hội Sản xuất và Tiêu thụ chuối ngự Đại Hoàng | Thị trấn Vĩnh Trụ, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam | 00017 | 30.09.2009 | không thời hạn | 5.000 buồng |